

Bản án số: 03/2023/HNGĐ - ST

Ngày 23/02/2023

“V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Minh Thanh

2. Bà Ly Giờ Gụ

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bát Xát.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 23/02/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2022/TLST - HNGĐ ngày 30/12/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXX - ST ngày 13/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Sùng Thị L, sinh ngày 23/4/1986

Nghề nghiệp: Tự do; Dân tộc: Hmông

Trú tại: Thôn Sín C, xã Trịnh Tường, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Thào A D, sinh năm 1982

Nghề nghiệp: Tự do; Dân tộc: Hmông

Trú tại: Thôn Sín C, xã Trịnh Tường, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Sùng Thị L trình bày:

Chị và anh Thào A D chung sống như vợ chồng từ năm 2002 đến nay, không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị và anh D không hợp nhau, anh D thường xuyên uống rượu, không tu chí làm ăn để xây dựng kinh tế gia đình, đã

nhiều lần chị khuyên nhủ nhưng anh Dừa không thay đổi, không những thế anh Dừa còn thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị. Hiện nay chị và anh Dừa tuy sống chung một nhà nhưng đã ly thân từ tháng 6/2022 đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn giữa chị và anh Dừa đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thảo A D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Thảo A D có 02 con chung là cháu Thảo A T, sinh ngày 13/7/2004 và cháu Thảo Thị Siết, sinh ngày 14/9/2005. Cháu Thảo A T đã đủ tuổi trưởng thành, tự chăm sóc bản thân, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Thảo Thị Siết chị nhường quyền cho anh Dừa là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành, vì khi ly hôn chị chưa có chỗ ở và thu nhập ổn định, nên chị không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con chung cháu Siết cùng anh Dừa.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh Thảo A D không vay nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tại các biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Thảo A D trình bày:

Về thời gian, địa điểm, quá trình chung sống vợ chồng và con chung đúng như chị Sùng Thị L trình bày. Anh và chị Sùng Thị L chung sống như vợ chồng từ năm 2002 đến nay, không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Nay chị L làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị L có 02 con chung là cháu Thảo A T, sinh ngày 13/7/2004 và cháu Thảo Thị S, sinh ngày 14/9/2005. Cháu Thảo A T đã đủ tuổi trưởng thành, tự chăm sóc bản thân, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn anh nhận được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thảo Thị Siết, sinh ngày 14/9/2005. Lý do anh nuôi là vì anh có công việc thu nhập và chỗ ở ổn định, còn chị L không có nhà ở lại phải đi ở thuê và chị L thường xuyên ốm, còn hay phải đi chữa bệnh, anh thấy cháu Siết ở cùng anh là thuận lợi và điều kiện tốt nhất đối với cháu. Anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng anh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh và chị Sùng Thị L không cho ai vay và cũng không vay nợ của ai.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã đảm bảo đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 14, điều 15; khoản 2 Điều 53 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều

228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án giải quyết theo hướng:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Sùng Thị L và anh Thào A D là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Thào Thị S, sinh ngày 14/9/2005 cho anh Thào A D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Sùng Thị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Sùng Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Sùng Thị L và anh Thào A D đều cư trú tại thôn Sín Chải, xã Trịnh Tường, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị L và anh Thào A D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian đã phát sinh mâu thuẫn, hai người đã sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2022. Nay chị L, anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét thấy thời điểm chị Sùng Thị L và anh Thào A D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 đến nay thì hai người đã đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của luật hôn nhân gia đình năm 2000, nhưng cho đến nay chị L và anh D cũng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Sùng Thị L và anh Thào A D là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị L và anh D đều xác nhận có hai con chung là cháu Thào A T, sinh ngày 13/7/2004 và cháu Thào Thị Siết, sinh ngày 14/9/2005. Cháu T đã trưởng thành tự lo cho bản thân nên các đương sự không đề nghị giải quyết là phù hợp, còn cháu Siết còn nhỏ đang sống phụ thuộc vào bố mẹ nên khi ly hôn, anh D có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Siết đến khi cháu đủ 18 tuổi, bản thân cháu Thào Thị Siết khi được Tòa án lấy ý kiến thì muốn ở với bố. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Thào A D không yêu cầu chị Thào Thị Siết cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Vì vậy Tòa án không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Sùng Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Từ những nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 14, 15; khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Sùng Thị L và anh Thào A D là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Thào Thị Siết, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2005 cho anh Thào A D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Thào Thị Siết đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Chị Sùng Thị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Sùng Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002339 ngày 27/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bát Xát. Xác nhận chị Sùng Thị D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; huyện;
- Các đương sự 2;
- UBND xã Trịnh T;
- THADS;
- Lưu HS, VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Minh Đức

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Minh Thanh Ly Giờ Gụ

Nguyễn Thị Minh Đức

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; huyện;
- Các đương sự 2;
- UBND xã Trịnh Tường;
- THADS;
- Lưu HS, VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Minh Đức

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Xuân Phú Vàng Seo Say Nguyễn Thị Minh Đức

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh; huyện*
- *Các đương sự 2;*
- *UBND xã Bản Xèo;*
- *THADS;*
- *Lưu HS, VP.*

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Đức Quang

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tân A Liêu

Vàng Văn Phủ

Phạm Thị Thanh Hương